

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG HỘ SINH HỆ VĂN BẰNG 2

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai)

Ngành, nghề: Hộ sinh

Mã ngành, nghề: 6720303

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Văn bằng 2

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trình độ cao đẳng khối ngành sức khỏe (gồm Điều dưỡng, Phục hồi chức năng, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh, Y sĩ).

Thời gian đào tạo: 1,5 – 2 năm

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả, ngành nghề đào tạo

Hộ sinh là ngành, nghề chuyên khoa về y học hiện đại, áp dụng các phương pháp chăm sóc, theo dõi, dự phòng. Chương trình đào tạo cao đẳng văn bằng hai với mục đích đào tạo người Hộ sinh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề; có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản an toàn và hiệu quả cho phụ nữ, người mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức sinh sản trong cộng đồng một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội; có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngành, nghề Hộ sinh có các lĩnh vực làm việc chính: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học, chăm sóc trước sinh, chăm sóc trong quá trình chuyển dạ, chăm sóc sau sinh, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc phụ khoa, chăm sóc sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi.

Cử nhân cao đẳng Hộ sinh sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực đáp ứng theo chuẩn năng lực của Hộ sinh Việt Nam và đáp ứng được yêu cầu bậc 5 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam; có thể làm việc tại các Cơ sở y tế như: bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám, các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân, các trung tâm / Spa chăm sóc mẹ và bé.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nhân lực trực tiếp cho ngành hộ sinh, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học

sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiến thức:

- + Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp.
- + Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, người mẹ và trẻ sơ sinh.
- + Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị, theo dõi và chăm sóc người bệnh/ khách hàng để lập kế hoạch chăm sóc.
- + Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho người mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng.
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b) Về kỹ năng

- + Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội để chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, người mẹ và trẻ em phù hợp về văn hóa, xã hội và tâm sinh lý.
- + Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh; từ đó, thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng.
- + Thực hiện được Chăm sóc người mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng, hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Chăm sóc được người mẹ thời kỳ thai nghén, trong chuyên dạ có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho người mẹ và trẻ sơ sinh tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời.
- + Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho người mẹ và trẻ sau sinh theo phân cấp chăm sóc.
- + Thực hiện được các qui trình kỹ thuật Khám và nhận định tình trạng sức khỏe người mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng.
- + Thực hiện được các qui trình kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa

để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn.

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề; bên cạnh đó, sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản để khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

+ Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc người mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế.

+ Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế.

+ Hướng dẫn, giám sát, đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người hộ sinh trình độ cao đẳng có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm: chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc thời kỳ thai nghén; chăm sóc thời kỳ chuyển dạ; chăm sóc sau sinh; chăm sóc trẻ sơ sinh và tiếp tục học liên thông trình độ đại học theo quy định.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1230 giờ/47 tín chỉ.
- Số lượng môn học, modun: 19 môn học
- Khối lượng học tập các môn học chung: 00 giờ/tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1230 giờ/47 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 375 giờ/tín chỉ; thực hành, thực tập lâm sàng: 855 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định
2	NLCB-02	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
3	NLCB-03	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
4	NLCB-04	Trung thực, khách quan, thận trọng trong quá trình thực hành nghề nghiệp.
5	NLCB-05	Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc; Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
6	NLCL-01	Vận dụng được kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học, dược lý, cấp cứu ban đầu vào việc lập kế hoạch chăm sóc.
7	NLCL-02	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật trong quá trình chăm sóc trước sinh – trong sinh – sau sinh và kế hoạch hoá gia đình đảm bảo qui định về an toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn.
8	NLCL-03	Giải thích chính xác những nguyên nhân, triệu chứng cơ năng, triệu chứng lâm sàng trong quá trình nhận định, theo dõi, chăm sóc, tư vấn – giáo dục sức khỏe các trường hợp thai kỳ bình thường, chuyển dạ, sau sinh, kế hoạch hoá gia đình.
9	NLCL-04	Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc các vấn đề sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ.
10	NLCL-05	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình nhận định, hỏi bệnh, thăm khám, tư vấn – giáo dục sức khỏe.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
11	NLCL-06	Thực hiện thành thạo các kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu.
12	NLCL-07	Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị trong quá trình thực hiện các qui trình kỹ thuật.
13	NLCL-08	Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số máy móc, dụng cụ trong quá trình chăm sóc và theo dõi.
14	NLCL-09	Xây dựng kế hoạch làm việc theo nhóm và phối hợp với các thành viên trong nhóm để thực hiện kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.
15	NLCL-10	Tổ chức và quản lý khoa sản một cách khoa học.
16	NLCL-11	Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh.
III	Năng lực nâng cao	
17	NLNC-01	Thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sản phụ khoa và nhi sơ sinh.
18	NLNC-02	Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
19	NLNC-03	Lượng giá chính xác việc lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc.
20	NLNC-04	Phân tích chính xác những nguyên nhân, triệu chứng cơ năng, triệu chứng lâm sàng trong quá trình nhận định, theo dõi, chăm sóc, tư vấn – giáo dục sức khỏe các trường hợp thai kỳ nguy cơ, hồi sức cấp cứu sản khoa, nhi sơ sinh nâng cao, sức khỏe sinh sản người cao tuổi.
21	NLNC-05	Tổ chức và thực hiện Tư vấn – Truyền thông – Giáo dục thành thạo kiến thức về sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.
22	NLNC-06	Thực hiện thành thạo quy trình kỹ thuật trong quá trình chăm sóc các trường hợp thai kỳ nguy cơ, hồi sức cấp cứu sản khoa, nhi sơ sinh nâng cao, sức khỏe sinh sản người cao tuổi đảm bảo qui định về an toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn.

6. Nội dung chương trình

STT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập				
				Tổng số	Trong đó			
					Lý thuyết	Thực hành	Thực tập lâm sàng	Thi/ kiểm tra
I. Các môn học chung			Miễn môn					
II. Các môn học, mô đun chuyên môn								
II.1. Môn học, mô đun cơ sở								
1	MĐCS01	Tiếng Anh chuyên ngành	1	30	0	29	0	1
2	MHCS01	Dinh dưỡng và tiết chế	1	15	14	0	0	1
3	MHCS02	Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	15	14	0	0	1
II.2. Môn học, mô đun chuyên môn								
4	MHHS01	Quản lý Hộ sinh	2	30	28	0	0	2
5	MĐHS01	Chăm sóc Sức khỏe Phụ nữ và Nam học	3	60	28	29	0	3
6	MĐHS02	Chăm sóc thai kỳ bình thường	3	60	28	29	0	3
7	MHHS02	Chăm sóc thai kỳ nguy cơ	4	60	56	0	0	4
8	MĐHS03	Thực tập lâm sàng Chăm sóc thai kỳ bình thường và nguy cơ	3	135	0	0	132	3
9	MĐHS04	Chăm sóc chuyên dạ sinh thường	4	90	28	58	0	4
10	MĐHS05	Chăm sóc chuyên dạ sinh khó	3	60	28	29	0	3
11	MĐHS06	Thực tập lâm sàng Chăm sóc chuyên dạ sinh thường và sinh khó	2	90	0	0	88	2
12	MĐHS07	Dân số – KHHGD	2	45	14	29	0	2
13	MĐHS08	Chăm sóc sản phụ và trẻ sau sinh	4	90	28	58	0	4
14	MĐHS09	Thực tập lâm sàng	2	90	0	0	88	2

STT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập				
				Tổng số	Trong đó			
					Lý thuyết	Thực hành	Thực tập lâm sàng	Thi/ kiểm tra
		Chăm sóc sau sinh và Dân số – KHHGD						
15	MHHS03	Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi	2	30	28	0	0	2
16	MĐHS10	Thực tập lâm sàng Chăm sóc sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi	2	90	0	0	88	2
17	MĐHS11	Thực tế tốt nghiệp	4	180	0	0	176	4
II.3. Môn học, mô đun tự chọn								
Chuyên đề 1: Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng								
18	MHTC01	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên	2	30	28	0	0	2
19	MHTC02	Chăm sóc sức khỏe sinh sản người cao tuổi	2	30	28	0	0	2
Chuyên đề 2: Chăm sóc sức khỏe sản phụ và trẻ sơ sinh nâng cao								
18	MHTC03	Chăm sóc sơ sinh nâng cao	2	30	28	0	0	2
19	MHTC04	Hồi sức cấp cứu sản khoa	2	30	28	0	0	2
TỔNG CỘNG			47	1230	350	261	572	47

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc: Sinh viên được miễn các môn học này.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Tổ chức hội thảo/sinh hoạt ngoại khóa trao đổi kinh nghiệm học tập và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp được tổ chức mỗi học kỳ/lần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

- Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 04/2022/TTBLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2022 và thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

7.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ quy định tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.
- Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng danh hiệu cử nhân thực hành ngành Hộ sinh (bằng bậc 5 trong khung trình độ quốc gia).

7.5. Các phương pháp dạy – học chính: tất cả các môn học được giảng dạy bằng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thảo luận ca lâm sàng, giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, bài tập lớn, thực hành dựa vào bằng chứng.

7.6. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Tổ chức học lý thuyết tại giảng đường có đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu.
- Tổ chức học thực hành tại phòng thực hành có đủ trang thiết bị, mô hình thực hành theo yêu cầu của từng môn học.
- Tổ chức thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế đã công bố đủ điều kiện là cơ sở đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe, có ký hợp đồng nguyên tắc theo nghị định 111/2017/NĐ-CP về việc phối hợp đào tạo thực hành giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.
- Giảng viên đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và có đủ kinh nghiệm giảng dạy.

7.7. Hướng dẫn phân môn học/ mô đun tự chọn:

Sinh viên được tự chọn 01 trong 02 chuyên đề tự chọn để bổ sung kỹ năng chuyên môn trước khi học môn cuối cùng là mô đun Thực tế tốt nghiệp.